



## CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

*Áp dụng cho khóa tuyển sinh năm 2013*

Trình độ đào tạo:	ĐẠI HỌC
Ngành:	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ
Chuyên ngành đào tạo:	THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ
Loại hình đào tạo:	CHÍNH QUY

### 1. Mục tiêu đào tạo

#### 1.1. Mục tiêu chung:

Cử nhân chuyên ngành Thương mại điện tử có phẩm chất chính trị và đạo đức tốt, có năng lực chuyên môn và đạo đức nghề nghiệp đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa nền kinh tế quốc dân và hội nhập quốc tế.

Chương trình trang bị cho sinh viên một cách có hệ thống kiến thức về bản chất và nghiệp vụ thương mại điện tử, những mô hình kinh doanh điện tử, hoạch định và triển chiến lược thương mại điện tử, kiến thức về công nghệ thông tin nhằm phát triển các ứng dụng hỗ trợ kinh doanh thương mại điện tử, thực hiện giao dịch và thanh toán điện tử. Chương trình trang bị cho sinh viên khả năng thực hiện nghiên cứu và phân tích những mô hình kinh doanh điện tử, đánh giá sự thành công của các trang Web thương mại, nghiên cứu hành vi của người tiêu dùng, mô hình hài lòng về chất lượng dịch vụ điện tử, mô hình chấp nhận công nghệ...

Đồng thời chương trình còn chú trọng rèn luyện khả năng phát hiện và giải quyết các vấn đề trong thương mại điện tử, kỹ năng sử dụng các phần mềm chuyên nghiệp cho phân tích, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình...

#### 1.2. Chuẩn đầu ra:

##### 1.2.1. Kiến thức

- Khỏi kiến thức chuyên ngành chính:

+ Kiến thức chung của chuyên ngành chính như: hệ cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin quản lý, mạng và truyền thông...

+ Kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành chính như: phân tích và thiết kế hệ thống thương mại điện tử, xây dựng và phát triển các ứng dụng trên Web thương mại, quản trị các trang Web thương mại, an toàn và bảo mật các hệ thống kinh doanh điện tử, những mô hình kinh doanh thương mại xuất nhập khẩu điện tử, mô hình kinh doanh B2B, B2C, G2B,

G2C,...marketing điện tử, hoạch định và triển khai chiến lược thương mại điện tử, nghiên cứu và phân tích các mô hình kinh doanh hỗ trợ ra quyết định,...

- Khối kiến thức bổ trợ như: hệ thống và các phương thức thanh toán điện tử, nghiệp vụ thương mại điện tử, quản trị các kênh phân phối sản phẩm, hành vi người tiêu dùng, Quản trị Marketing, hệ thống thông tin địa lý phục vụ cho kinh doanh, thực hiện được các dự án công nghệ thông tin,..

- Khối kiến thức cơ sở như: kinh tế học, quản trị học, marketing, kế toán, thống kê kinh doanh, phân tích định lượng...

Ngoài ra, chương trình còn trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về chủ nghĩa Mác – Lênin, luật, xác suất và thống kê toán...

### **1.2.2. Kỹ năng**

Chương trình tập trung rèn luyện sinh viên những kỹ năng sau:

- Kỹ năng phát hiện và giải quyết những vấn đề liên quan thương mại điện tử;
- Sử dụng thành thạo các phần mềm hệ thống, phần mềm ứng dụng... phục vụ cho nghiên cứu và triển khai thương mại điện tử;
- Kỹ năng làm việc nhóm, đàm phán, kỹ năng thuyết trình, viết báo cáo;
- Kỹ năng sử dụng ngoại ngữ với trình độ tiếng Anh tương đương TOEIC 450 hoặc tiếng Pháp DELF A2 hoặc có chứng chỉ các ngoại ngữ tương đương cấp độ B1 – Khung chung châu Âu (Common European Framework – CEF).

### **1.2.3. Thái độ và hành vi**

- Chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật của nhà nước, các quy định của cơ quan, có ý thức tổ chức kỷ luật, có lối sống lành mạnh;
- Có đạo đức cá nhân và đạo đức nghề nghiệp, có tinh thần trách nhiệm trong công việc, có ý thức cải tiến, tự học tập nâng cao trình độ chuyên môn và nghiệp vụ;
- Có nhận thức đúng đắn, lòng đam mê và trách nhiệm đối với nghề nghiệp;
- Coi trọng lợi ích chung, có tinh thần phục vụ cộng đồng;
- Tôn trọng cá nhân, thân thiện và có tinh thần hợp tác với đồng nghiệp và các cá nhân bên ngoài tổ chức.

**1.3. Cơ hội nghề nghiệp:** Cử nhân chuyên ngành Thương mại Điện tử chủ yếu làm việc ở các doanh nghiệp, tổ chức thương mại với các vị trí sau:

- Giám đốc thông tin (CIO);
- Chuyên viên hay lãnh đạo bộ phận quản trị mạng nhằm kiểm soát, bảo mật, an toàn và phục hồi hệ thống các trang Web thương mại;

- Chuyên viên hay lãnh đạo bộ phận công nghệ thông tin, dự án phát triển hệ thống thông tin phục vụ kinh doanh điện tử;
- Chuyên viên phân tích, thiết kế và lập trình Web thương mại và khai thác các ứng dụng Web thương mại;
- Chuyên viên thu thập, lưu trữ, bảo mật, phân phối dữ liệu phục vụ kinh doanh điện tử;
- Chuyên viên phân tích hỗ trợ ra quyết định trong thương mại điện tử và kinh doanh điện tử;
- Chuyên viên hay lãnh đạo trong các tổ chức tư vấn và cung cấp các giải pháp thương mại điện tử;
- Chuyên viên thương mại điện tử, marketing điện tử, quản trị quan hệ khách hàng điện tử;

Ngoài ra, cử nhân chuyên ngành Thương mại Điện tử còn có thể làm việc tốt ở các sở ban ngành, trường học với vai trò chuyên viên về thương mại điện tử, cán bộ giảng dạy về thương mại điện tử.

**2. Thời gian đào tạo:** Theo thiết kế chương trình là 4 năm, tùy theo khả năng và điều kiện học tập, sinh viên có thể rút ngắn còn 3 năm hoặc kéo dài thời gian học tối đa đến 6 năm.

**3. Khối lượng kiến thức toàn khóa:** 125 tín chỉ, không kể các học phần Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng.

**4. Đối tượng tuyển sinh:** Tốt nghiệp THPT, THCN

**5. Qui trình đào tạo:** Hình thức tín chỉ.

**6. Thang điểm:** Quy chế đào tạo đại học theo hệ thống tín chỉ.

## 7. Nội dung chương trình

**7.1. Kiến thức giáo dục đại cương: (37 tín chỉ không kể giáo dục thể chất và giáo dục quốc phòng)**

### 7.1.1. Lý luận chính trị (10 tín chỉ)

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ
1	2120201	Các nguyên lý cơ bản của CN Mác – Lênin 1	2
2	2120251	Các nguyên lý cơ bản của CN Mác-Lênin phần 2	3
3	2120211	Đường lối cách mạng	3

		của Đảng cộng sản VN	
4	2120061	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2
<b>Tổng cộng</b>			<b>10</b>

**7.1.2. Khoa học xã hội (6 tín chỉ)**

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ
5	2110011	Pháp luật đại cương	2
6	2110042	Luật kinh tế	2
7	2110051	Xã hội học	2
<b>Tổng cộng</b>			<b>6</b>

**7.1.3. Ngoại ngữ (7 tín chỉ)**

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ
8	4270011	Ngoại ngữ đại cương 1	3
9	4270021	Ngoại ngữ đại cương 2	2
10	4270031	Ngoại ngữ đại cương 3	2
<b>Tổng cộng</b>			<b>7</b>

**7.1.4. Toán – Tin học – Khoa học tự nhiên (14 tín chỉ)**

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ
11	3250011	Toán cao cấp 1	3
12	3250021	Toán cao cấp 2	2
13	3250041	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3
14	2150011	Tin học đại cương	3
15	2110061	Phương pháp định lượng trong kinh tế	3
<b>Tổng cộng</b>			<b>14</b>

**7.1.5. Giáo dục thể chất**

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ
-----	-------------	--------------	------------

16		Giáo dục thể chất	5
----	--	-------------------	---

### 7.1.6. Giáo dục quốc phòng

STT	Mã học phần	Tên học phần	
17		Giáo dục quốc phòng	4 tuần

## 7.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (88 tín chỉ)

### 7.2.1. Kiến thức cơ sở (24 tín chỉ)

#### 7.2.1.1 Kiến thức cơ sở khối ngành (6 tín chỉ)

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ
18	2130851	Kinh tế vi mô	3
19	2111221	Kinh tế vĩ mô	3
<b>Tổng cộng</b>			<b>6</b>

#### 7.2.1.2. Kiến thức cơ sở ngành (15 tín chỉ)

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ
20	2150682	Thống kê kinh doanh	3
21	2100012	Nguyên lý kế toán	3
22	2160082	Marketing căn bản	3
23	2150022	Kinh tế lượng	3
24	2130032	Quản trị học	3
<b>Tổng cộng</b>			<b>15</b>

### 7.2.2. Kiến thức ngành chính (42 tín chỉ)

#### 7.2.2.1. Kiến thức chung của ngành chính (15 tín chỉ)

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ
25	2150162	Cơ sở lập trình	3
26	2150182	Cơ sở dữ liệu	3
27	2150062	Hệ thống thông tin quản lý	3
28	2150083	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu	3
29	2150202	Mạng và truyền thông	3

<b>Tổng cộng</b>	<b>15</b>
------------------	-----------

**7.2.2.2. Kiến thức chuyên sâu của ngành chính (24 tín chỉ)**

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ
30	2160992	Thương mại điện tử	3
31	2161243	Marketing điện tử	3
32	2150953	Nghiên cứu thương mại điện tử	3
33	2150963	Chiến lược thương mại điện tử	3
34	2151023	Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin	3
35	2150613	Lập trình mạng	3

<b>Tổng cộng</b>			<b>18</b>
------------------	--	--	-----------

*Chọn ít nhất 6 tín chỉ trong các học phần tự chọn sau:*

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ
36	2130323	Truyền thông marketing	3
37	2130283	Hành vi người tiêu dùng	3
38	2160562	Quản trị quan hệ khách hàng	3
39	2160032	Kinh doanh xuất nhập khẩu	3
40	2150313	Lập trình hướng đối tượng	3
41	2150662	Quản trị mạng	3
42	2150652	Phân tích và thiết kế hướng đối tượng	3
43	2150533	Bảo mật hệ thống thông tin	3
44	2150573	Hệ thống hoạch định nguồn lực doanh nghiệp	3
45	2150583	Kho dữ liệu và khai phá dữ liệu	3

46	2150623	Mã nguồn mở	3
<b>Tổng cộng</b>			<b>24</b>

**7.2.3. Kiến thức bổ trợ (16 tín chỉ)**

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ
47	2160952	Quản trị phân phối	3
48	2161253	Bán lẻ điện tử	3
49	2150983	Hệ thống thanh toán điện tử	2
<b>Tổng cộng</b>			<b>8</b>

**Chọn ít nhất 8 tín chỉ trong các học phần tự chọn sau:**

50	2150763	Quản trị dự án công nghệ thông tin	3
51	2150133	Chính phủ điện tử	2
52	2150773	Hệ thống thông tin địa lý trong kinh doanh	2
53	2160263	Marketing Dịch vụ	3
54	2130062	Quản trị Marketing	3
55	2130052	Quản trị tài chính	3
56	2010011	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2
<b>Tổng cộng</b>			<b>31</b>

**7.2.4. Đề án môn học, thực hành và hoạt động ngoại khóa (2 tín chỉ)**

STT	Mã học phần	Nội dung	Số tín chỉ
57	2151043	Đề án môn học	2
58		Hoạt động ngoại khóa	

**7.2.5. Thực tập cuối khóa**

STT	Mã học phần	Nội dung	Số tín chỉ
<b>Hình thức 1</b>			
54	2151053	Bảo vệ báo cáo thực tập tốt nghiệp	4
55		Học bổ sung ít nhất 6	6

		tín chỉ được chọn từ các học phần tự chọn	
<b>Hình thức 2</b>			
56	2151063	Bảo vệ khóa luận tốt nghiệp*	10

\* Sinh viên phải học học phần “Phương pháp nghiên cứu khoa học”, có điểm trung bình chung tích lũy lớn hơn mức quy định của Trường và được Khoa chuyên ngành đồng ý cho làm khóa luận tốt nghiệp.

**7.2.6. Lộ trình học** (đính kèm theo chương trình đào tạo này)

**HỘI ĐỒNG  
XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO  
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG**